

Ngô Tất Tố

DAO CẦU THUYỀN TÁN

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2006

Ngô Tất Tố

DAO CẦU THUYỀN TÁN

TÔI CÒN SỐNG VÌ KHÔNG UỐNG THUỐC

Hôm sau bệnh tôi đã khỏi, mới đến thăm bạn thì anh Xuân vẫn cứ bỏ hơi ướt đầm, chân tay vật vã không lúc nào yên. ông bà hơi sợ, lại cho mời ông lang đến. Theo lệ, cụ lang ra bộ trầm tĩnh nắm vào cổ tay bệnh nhân, rồi bảo nhà chủ:

- Mạch cậu ta đã bớt nhiều lắm rồi đấy, còn cái bỏ hơi thì không ngại gì, tôi cho uống một thang "Ngọc bình phong" là khỏi.

Ngài lại ngoảnh vào mặt tôi và tiếp: - Chắc là thầy cũng không biết thuốc "Ngọc bình phong" là thuốc cầm bỏ hơi rất diệu. Nó chỉ có ba vị hoàng kỳ, phòng phong, cam thảo mà thôi, nhưng hay lắm, hay vì hoàng kỳ dùng với phòng phong:

Thánh nhân dạy rằng:

"Hoàng kỳ úy phòng phong, đặc phòng phong kỳ lực dữ đại" nghĩa là hoàng kỳ thì sợ phòng phong, mà được phòng phong thì sức nó càng lớn. Thầy tính tôi có nhớ sách không? Nếu làm thuốc mà không nhớ sách thì giết người ta đấy". Rồi cụ

lang mới sai lấy giấy kê đơn. Bây giờ tôi cũng phục sách, tin rằng anh Xuân uống thang thuốc ấy sẽ khỏi. Chẳng ngờ anh ta rủi quá, không chịu theo sách mà ồm thành ra thuốc tuy cắt vào sách mà bệnh vẫn không chuyển, mồ hôi vẫn ra, nước vẫn khát, lưỡi sắp đổi ra màu đen và khô như ngói. Cái lo của cha mẹ cũng theo cái bệnh của con mà tăng lên, ông bà bàn nhau đổi tay, sai người mời thầy lang khác.

Thăm bệnh, thăm mạch xong rồi cụ lang này phải giữ đúng "luật" thầy lang, mắng luôn cụ lang trước không biết làm thuốc, bệnh là bệnh âm hư mà dám dùng những tứ tô, phòng phong, lão quá. Rồi cụ kê cho một cái đơn cụ gọi là bài lục vị, cụ dặn ba thang thì khỏi. Người nhà theo đúng lời cụ. Uống hết thang thứ nhất, chẳng biết thuốc trúng bệnh hay anh Xuân đã hết mồ hôi mà không thấy mồ hôi nữa, nước cũng đỡ khát nhưng lưỡi lại đen thêm, và cả ngày nằm lá bì không cựa. Đến thang thứ hai thì các chứng cũ vẫn nguyên, lại phát thêm chứng đầy, nhưng người nhà vẫn tưởng là bớt. Uống thang thứ ba thì bụng phát trướng, trước còn bí tiểu tiện, sau rồi bí cả đại tiện. Bây giờ ông bà đã rối như canh hẹ, mới thải cụ lang ấy, đồng thời rước hai cụ lang khác. Cái lệ cụ lang đến sau vẫn phải công kích cụ lang chữa trước là cố nhiên rồi. Hai cụ này cũng không đồng ý kiến với nhau. Cụ thứ nhất bảo bệnh nhân mạch trầm vi, đó là hỏa suy, dương hư, theo như sách Phùng thị đã dạy, phải dùng Bát vị

xung sâm, mà phải có quế thật tốt mới được.

Cụ thứ hai nói cả hai tay mạch đều khăn thực, nó là nhiệt tà uất kết, phải hạ mới khỏi. Ấy mười rày, cùng một cái pháp phòng ở mạch máu, mà một cụ gọi là trầm vi một cụ gọi là khăn thực, chính cái tay của người có bệnh lại không biết cãi, thì biết nghe ai bây giờ. Thế nhưng hai cụ vẫn cứ cãi nhau, cụ thứ hai bảo uống sâm quế thì chết, cụ thứ nhất bảo hạ thì không gỡ được. Rút cục, cụ thứ nhất thắng, vì đã nói đến sách Phùng thị, thứ sách mà nhà chủ nói là môn vương đạo. Vả lại, thuốc có sâm quế, nhiều vị trọng, khiến cho người nhà dễ tin. Uống một thang, chỉ thấy hai mắt đỏ ngầu, còn các chứng vẫn đâu đóng đấy.

Uống một thang nữa, đại tiện vẫn bí như trước, lại thêm được chứng nói mê nói sáng, hơi thở cực to và mau. Ông bà lúc này mới tin lời cụ lang thứ hai hôm nọ nói phải, lật đặt sai người đi rước cụ đến. Đắc thế, cụ mắng chủ nhà, cụ mắng các bạn đồng nghiệp, tưởng như khí tức sắp bốc lên tận mây xanh. Nhà chủ nằn nì mãi, cụ mới hơi dịu nét mặt và rung đùi nói mát:

- Tôi kê bài tiểu thừa khí mà dùng năm đồng phác tiêu, ba đồng đại hoàng, ông bà có bằng lòng không?

Nhà chủ lúc ấy chỉ một mực nâng cụ lên bậc cứu dân độ thế mà xin cụ cứu cho con mình, chứ còn dám nói gì nữa. Thuốc sắc rồi, anh Xuân không còn đủ sức mà húp, người ta phải lấy thìa mà đổ vào miệng cho anh. Hay lắm!

Thuốc đi khỏi họng độ ba tiếng đồng hồ, bụng anh Xuân thấy réo âm âm, rồi thì đại tiện cứ ra, trướng bót, thờ bót. Nhưng từ đó thì anh hóa ra người trống tràng, đại tiện cứ tự do mà chảy ra nhiều. Cụ lang xoay xỏa hết ba thang thuốc, mà cái quái vật ấy không nể mặt cụ, nó cứ luôn luôn tìm đường đi ra. Anh Xuân thì da thịt đã tiêu tan đi hết, trong bụng lại thấy đau. Ông bà hồn vía chẳng còn, không biết lấy thuốc đâu cho con. Nhân có người bạn đọc cái quảng cáo của dược phòng nọ, thấy nói ông chủ dược phòng giỏi lắm, chứng gì cũng chữa được hết, ông bà tức tốc cho mời đến ngay. Nấn cổ tay, sờ bụng, thấy nói đau bụng, ông chủ dược phòng bảo luôn là đau dạ dày phòng tích, không cần phải uống thuốc chén, chỉ dùng vài chục ve thuốc chữa dạ dày của mình là khỏi. ông bà nóng ruột, thấy nói sao thì vợ lấy vậy, sai ngay tôi đến dược phòng ấy mua 20 ve một lúc.

Tôi ngờ quá, trước khi cho anh Xuân uống, tôi hãy ném thử, thấy nó mằn mằn như vị thuốc muối bicarbonate de soude, chua chua như vị sơn trà, thơm thơm như vị mạch nha, giòn ngọt như vị cam thảo, thả vào nước thì nó vàng lòe như sắc hoàng liên. Anh uống hết ba ve, bệnh tình vẫn không giảm chút nào, nghĩa là đại tiện mãi không cầm được, mà người thì cực kỳ suy nhược. Lại vì một cái quảng cáo khác, ông bà cho mời một ông chủ y quán khác cứu cho con mình. ông này cả quyết là

không việc gì, chỉ uống một liều thuốc viên là khỏi, nhưng thuốc đắt lắm, một đồng hai viên, một liều năm viên. Con như thế ai còn tiếc tiền, một đồng một viên chứ 10 đồng một viên, ông bà cũng lấy. Lấy thuốc về, tôi lại nhấm thử, thì toàn là xái thuốc phiện, anh Xuân uống hết năm viên thì đại tiện cầm hắt, nhưng bụng lại trướng lên bằng cái trống. Thế rồi sau một ngày nữa bạn tôi tắt nghỉ. Thương hại thay! Tôi với bạn cùng chung một bệnh, kẻ không uống thuốc thì khỏi, một kẻ từng trải năm sáu ông lang, tống vào bụng bao nhiêu thứ thuốc thì phải bỏ cha bỏ mẹ mà đi...

Ai giết anh Xuân? Hẳn là những ông "cứu thế độ dân" ấy. Cái chết của anh Xuân đã định cho tôi một câu kết luận về bọn "dao cầu thuyền tán" hiện thời. Tôi kết luận rằng: vô số ông chủ của vô số "dao cầu thuyền tán" kia, họ chỉ cần có người ốm để bán thuốc, chứ họ không cần chữa bệnh, trái lại họ lại có tài làm cho bệnh lớn ra. Ai uống thuốc của họ mà khỏi, chỉ là sự ngẫu nhiên. Thế nhưng làm sao họ vẫn sống, sống một cách phát đạt? Trong lúc kinh tế khủng hoảng này, buôn bán nghề gì cũng bị thua lỗ, dù có những kẻ mở hàng thuốc thì đều "táy" cả, "táy" một cách không ai ngờ. Một kẻ kiết xác đóng vai ông lang trong vài năm, đã thấy họ có tiền mua nhà, mua đất, tậu ô tô, dần vốn có hàng nghìn hàng vạn. Thì ra họ dùng toàn ngón "bịp", bịp bằng quảng cáo nói một cách vô liêm sỉ, bịp bằng cửa hàng đồ

sộ, bịp bằng lọ thuốc, hộp thuốc chế theo kiểu Tây, bịp bằng lời nói khôn khéo quá đến nỗi người bệnh. Mỗi lần họ bịp, ấy là mỗi mạng người chết. Chung quanh lưỡi dao cưa, bánh xe thuyền tán của họ, "đồng xương vô tội đã cao bằng đầu..."

Ngô Tất Tố

DAO CẦU THUYỀN TÁN

(TRÍCH)

CHỮA KHOÁN HẾT CÁC BỆNH

Trên tòa nhà hai tầng sừng sững đứng trước đám cây xanh mát, một lá cờ vải lớn bằng cánh buồm thuyền thoi phát phơ phơ cái dẫu hiệu đặc biệt với khách qua đường. Rồi, một tấm biển đứng hình chữ "nhật" chắn ngang trên mái ngói, rồi một tấm biển gập hình chữ "nhân" úp đứng trên mái hiên, rồi một bức màn trắng kín những chữ căng ngang trước cửa như một bức nghi môn. Trước cửa, hai cái tủ kính bày những hình ảnh kỳ dị, khiến cho ai đã qua đó, đều phải dừng lại mà nhìn. Phía trong, trên cái giá sơn son, một bộ lộ bộ ngăn cách đường ra lối vào, sắc đồng sáng choang của những thứ gương, chùy, mâu, kích như muốn khoe vẻ quý phái của chủ nhà.

Chạy theo bức tường dài, hai lớp tủ đứng bóng lộn mùi quang dầu. ọ thuốc, hộp thuốc, lọ thuốc, chai thuốc, mỗi thứ có hàng mấy trăm cái. Bấy nhiêu sự góp lại thành một hiệu thuốc, xin tạm gọi là "Hiệu thuốc ông Trăn", một cửa hàng thuốc đã

tốn công làm quảng cáo nhất ở Hà thành. Ngoài những việc quảng cáo trên báo, trong sách, hàng ngày lại có một người ôm đồng quảng cáo bằng cái bồ, chăm chỉ rút từng tờ mà ấn vào tay, hoặc quăng vào xe những người qua lại. ông chủ hiệu ấy, đồ ai đoán được là hạng người gì. Quân Tây, đôi kính trắng gọng vàng quanh năm làm diêm cho bộ mặt gồ ghề và cái nước da đen xạm. Trên bàn giấy, luôn luôn thấy cái điều ống vắt vẻo cây tre rễ trúc chừng hai thước tây. Khi đi, khi đứng, khi ngồi, nếu là tiết mùa hè, không khi nào không có hai đứa đầy tớ vác đôi quạt lông chạy theo mà phẩy phẩy cho ông chủ nhà của họ thành ra một người quý phái. Trông những sự trang hoàng trong cửa hàng và ngắm cái cách cư xử của chủ hiệu, người ta có thể đo chừng sự ăn tiêu của nhà ấy mỗi tháng không dưới ba trăm đồng. ấy là chưa kể cái vốn để chế hoặc mua thuốc. Ba trăm đồng một tháng, sự ăn tiêu ấy phải là một nhà cự phú mới có thể đương nổi. Mà cự phú thật, hẳn mới cự phú trong vài năm nay. Những người đã hơi biết hẳn, đều phải ngạc nhiên cho sự phát đạt lạ lùng của hẳn. Phải. Trước đây khoảng 10 năm, chủ nhân hiệu thuốc “ông Trăng” còn là một kẻ lang thang và dốt nát. Ngoài chữ quốc ngữ là thứ chữ mà trẻ con cũng đều đọc được, vị chủ nhân hiệu ấy không biết thứ chữ gì khác. Một người tư cách như vậy, ai ngờ có ngày trở nên một thầy thuốc, xin tạm gọi là thầy thuốc, chủ trương một cửa hàng thuốc rất to. Thoạt

kỳ thủy, hấn chỉ là kẻ buôn thuốc, không phải là buôn thuốc cái như những người gánh bồ, nghĩa là hấn mua vài thứ thuốc ghẻ, thuốc lở ở nhà quê, đem ra Hà Nội gửi bán tại các cửa hàng sách. Gặp dịp may mắn, cuộc thương mại ấy đã làm cho hấn đủ tiền thuê chỗ kê cái ghế vải mà nằm ở đất phồn hoa.

Tình cờ tại một phố kia, có viên quan lớn vì đi làm quan, muốn tìm một người cẩn thận, cho ở nhà trong để trông nom và lau quét dùm những căn nhà ngoài. Nhờ được người quen giới thiệu, ông chủ cái ghế vải đã thành người coi nhà cho ông quan to. Lợi dụng cơ hội, hấn mới đăng luôn lên báo mấy dòng, rao rằng:

"Cần người đại lý bán thuốc, ai muốn điều đình xin đến nhà ấy nhà nọ mà hỏi".

Bấy giờ thiên hạ hãy còn nhiều người khờ hớ hơn bây giờ, cho nên quảng cáo đăng được vài ngày thì đã có người ở tỉnh khác đến xin làm đại lý. Chủ nhân tiếp khách ở nhà ngoài của viên quan kia, và đòi án quỹ một số là hai trăm đồng. Trông thấy ghế, sập, lư, đỉnh và các đồ bài trí trong nhà, khách tin chủ là người phú quý. Với cái cửa nhà lộng lẫy, số tiền 200 đồng, nếu đem án quỹ, chưa thấm vào đâu, chắc không bao giờ sút mẻ một đồng nào được. Nghĩ vậy, khách nhận lời chủ, cách vài ngày thì đệ số bạc kia đến. Trong lưng đã sẵn đồng tiền, một mặt hấn đi mua thuốc ở hiệu khách mà thay chai, thay hộp, dán lá nhãn của

mình vào, rồi gửi đi cho đại lý, một mặt thuê nhà, đóng tủ mở một cửa hàng thuốc con con lấy thương tiêu là hiệu “ông Trăng”. Thế là ông “lang thang” đã nhảy lên địa vị ông “lang băm”. Ngồi tuy đổi mà tư cách vẫn còn nguyên như cũ, ông chủ hiệu thuốc ấy vẫn không biết mặt biết tên một vị thuốc nào. Nghề làm thuốc của hắn chỉ cốt ở sự thay hình đổi dạng. Nghĩa là mua thuốc của các hiệu khách đem về, thuốc viên thì tán thành bột, thuốc bột thì nặn thành viên, hoặc là viên lớn xẻ thành viên nhỏ, viên nhỏ hợp làm viên lớn, rồi nhồi vào hộp vào chai mà bán. Đồng thời việc quảng cáo trên báo, hắn vẫn hết sức tiến hành, vừa nói khoác bạt mạng cho các thuốc ở cửa hàng mình, vừa quẩn rũ lấy đại lý bán thuốc ở các tỉnh nhỏ. Nhờ về sự quảng cáo “không biết thẹn” đó mà thuốc, tuy không chữa khỏi bệnh vẫn bán được, người các tỉnh xin làm đại lý vẫn mỗi ngày một thêm.

Cái cửa hàng con con vụt trở thành một cửa hiệu nguy nga, rực rỡ. “Mỗi người phải lừa một lần là tôi giàu rồi”. ấy là lời cổ cùn mà cũng là câu xung tội của chủ nhân nhà thuốc “ông Trăng” đã đáp lại câu hỏi hiểm hóc của mấy người quen biết. Có thể thực, một người đến mua thuốc là có một món tiền lời, một người xin làm đại lý là có một số tiền ký quỹ, 25 triệu con rồng cháu tiên chưa phải ai cũng khôn ngoan, người mua thuốc, người làm đại lý chưa bao giờ hết. Lừa bằng cách ấy chưa đủ,

ông chủ hiệu ấy lại phải nghĩ thêm cách khác. Trong lúc xã hội "thầy lang" hãy còn lộn xộn, những người có bệnh phần nhiều không biết lấy thuốc của ông thầy nào, người ta sợ rằng "tật mang mà tiền vẫn mất". Đoán thấy chỗ yếu của số đông người, chủ hiệu "ông Trăn" mới lập cái kê "chữa khoán". Phong, lao, cổ, lại, bốn chứng đó, các sách Tàu đều cho là bệnh bất trị, cho đến các nhà y học âu tây cũng chưa tìm được cách chữa chắc chắn. Vậy mà chủ hiệu "ông Trăn" dám nhận chữa khoán hết thảy. "Chữa khoán bệnh lao" "Chữa khoán bệnh hủi"... bức màn trắng treo trên cửa hiệu, luôn luôn nêu mấy dòng thật lớn như thế, và nói rõ rằng "nếu không khỏi không lấy tiền", bệnh nào cũng vậy. Tưởng là thực, kẻ có bệnh theo nhau mà đến, nhiều nhất là người mắc bệnh lao. Lúc này tư cách chủ hiệu đã tiến hơn trước, nghĩa là hẳn đã đọc qua vài cuốn sách thuốc quốc ngữ, nhớ được ít tên thuốc và tên mạch để làm sáo mà tiếp con bệnh. Cũng hỏi chứng, cũng xem mạch, cũng giở sách thuốc nói quàng nói xiên, rồi tùy từng mặt mà nặn tiền, có thể nặn được đến đâu thì hẳn nặn đến đấy. Nhưng vô luận bệnh gì, hẳn đều bắt đặt một nửa tiền, tính theo cái giá đã khoán. Ngó những lộ bộ, quạt lông, điều ống xe dài thườn thượt, kẻ có bệnh cố nhiên không ai dám trả rẻ tiền. Nhưng trong khi đặt một nửa tiền, người ta cũng đành bắt ông chủ viết cho cái giấy. Bạn đọc thử nghĩ giấy ấy viết ra sao? "Một bên là ông X chủ hiệu "ông

Trăng", một bên là ông Y, người có bệnh lao ở Phố P đã bằng lòng với nhau những điều sau này:

“Ông Y xin thuê khoán cho ông X chữa bệnh lao của mình, và thuận trả ông X một số là 100 đồng. Nay đã đặt trước 50 đồng, khi nào khỏi bệnh sẽ trả nốt 50 đồng nữa. ông X nhận của ông Y 50 đồng, phải chữa cho ông Y thật khỏi. Nếu không khỏi thì ông X phải trả lại cho ông Y số tiền đặt trước ấy. Nếu ông Y nửa chừng bỏ dở thì số tiền đặt trước ấy, ông X không phải trả lại". Giấy là vậy, còn thuốc thế nào? Thiên môn, mạch môn, khoản đông, tử uyển, một mớ vị thuốc nhuận phế đó, hẩn luyện thành viên, hẩn nấu thành cao, đưa mãi cho người ta uống. Thuốc như vậy, đòi nào mà chữa cho được bệnh lao! Bệnh không khỏi, kẻ ôm đem giấy đến hiệu, đòi lại số tiền đã đặt. Chủ hiệu chỉ phải đáp lại một câu:

- Trong giấy đã nói "nếu uống thuốc nửa chừng bỏ dở" thì "tôi không phải trả lại số tiền đặt ấy" kia mà. Bây giờ tôi còn đương chữa mà ông đã thôi, ấy là ông bỏ dở, không thể đòi tiền tôi được.

Thì ra trong giấy không nói cái "hạn chữa khỏi" là bao nhiêu ngày, giả như theo thuốc đến mấy chục năm, khi thôi, cũng vẫn là người bỏ dở. Ấy đó, hẩn gạt người ta cốt ở chỗ đó! Song điều đó chỉ gạt được người nhà quê, chớ Hà Nội thì ít kẻ mắc. Nhưng các thầy "lang băm" đều là thánh sư nghề lừa gạt,

họ đã có nhiều cách khác để gạt người Hà Nội.

Ngô Tất Tố

DAO CẦU THUYỀN TÁN

(TRÍCH)

THẦY LANG THỎ ĐỤC

Phải, người ấy gọi là "Thỏ Đục" thì đúng. Trông cái hình dáng, có thể bảo hấn là một anh kếp già ở xóm cô đầu, nếu hấn không đi giày ban. Nhưng ngắm đến bộ miệng thì lại có thể tưởng hấn là một con thỏ, vì cái miệng ấy nó chum chúm như mõm con thỏ, mà tự môi trên đến môi dưới, rồi thì ngoài mép quanh cằm, đầu cũng nhẩn thín, không bén một sợi râu nào. Trước đây, khoảng ba chục năm, hấn chỉ là một chàng học trò dở ở vùng xuôi, chữ Hán cũng biết ít nhiều, chữ Pháp không thuộc một tiếng. Làng nhà hấn cũng như làng Xạ La ở Hà Đông, vô luận người nào, biết chữ hay không biết chữ, đều thuộc võ vẽ một ít bài thuốc, nhớ lồm bồm vài câu sách thuốc. Xách dao cầu đi phương khác, họ đều có thể bịp người mà kiếm ăn. Nhờ về phong thổ đó, hấn đủ tư cách như mọi trai làng, nhân khi túng đường sinh nhai mới sắm dao cầu tủa thuốc, kéo lên ngã tư nọ ở ngoài Hà thành, mở cửa hàng thuốc, vì không thể gọi là cửa

hàng gì. Kỳ thực, trong hàng của hắn chỉ có mấy thứ thuốc bột chữa sâu răng, thuốc cao chữa mụn nhọt và vài chục vỉ vừa thuốc Bắc vừa thuốc Nam, đựng trong một cái tủ mộc. Gọi là hàng thuốc, cũng xấu hổ cho hai tiếng ấy. Lúc ấy, vùng đó, răng đã ít người đau, nhọt lại ít kẻ bị, thuốc ế, mạng nhện bắt đầu quần vào dao cầu, những người gần quanh thấy cái cảnh đói khát của hắn, đã phải động lòng thương hại. Tình cờ gần đó có vị đại thần lên cái hậu bối, dùng đã nhiều thứ thuốc lắm mà vẫn không khỏi. Một hôm, người nhà bàn nhau:

- Hay thử gọi lang "Thỏ Đực" vào đây xem hắn có chữa được không? Nghe nói nhà hắn có bán thuốc cao, hoặc giả nó là môn thuốc gia truyền thì chắc có hiệu.

Bàn vậy mà thôi, thực ra người ta cũng không thêm gọi. Bởi vì đối với nhà vị đại thần đó, anh lang "Thỏ Đực" chỉ là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre chứ có giá gì. Chẳng ngờ lời bàn ấy bị một viên tri huyện là cháu vị đại thần kia nghe tiếng và tin là thực. Rồi từ ngày mai trở đi, gặp ai hỏi thăm bệnh tình của viên đại thần, viên tri huyện đều nói rằng ngài dùng thuốc của thầy lang "Thỏ Đực". Danh giá của con "Thỏ Đực" đã tăng lên nhiều. May sao cách vài chục ngày, vị đại thần ấy khỏi bệnh. Khỏi là nhờ thuốc của người khác, chứ người ta không dính tỵ thuốc nào của "Thỏ Đực lương y". Thế nhưng "Thỏ Đực" là kẻ gian ngoan, đi đâu cũng phô rằng mình đã chữa được vị đại thần ấy. Cũng vì có

mấy câu nói của viên tri huyện, thành ra trong đám phủ huyện, nhiều người tin rằng vị đại thần kia quả có dùng thuốc của thầy lang này.

Thế là mọi người đua theo, trong nhà động có người nào mọc mụn, phải gai, họ liền cho lấy thuốc của hấn. Phúc làm sao, hấn chữa luôn được vài bệnh, tiếng tăm đồn đi, khách lấy thuốc càng ngày càng đông, do đó đã có dần vốn kha khá. Bây giờ hấn mới sắm sửa đồ đạc, dọn luôn lên đất Hà thành. Từ đó, hấn mới giở ngón bịp ra. Khác với các chủ dược phòng, y quán, hấn chỉ quảng cáo bằng miệng, không hề quảng cáo bằng giấy hay báo. Ngồi với một người hơi biết chữ Hán, thì hấn giở luôn thi phú câu đối ra đọc, toàn là thơ cũ, phú cũ, câu đối cũ của các đại gia mà hấn đã học thuộc lòng, nhưng hấn vẫn nói là của mình làm ra. Ngồi với một người có bệnh hoặc nhà có người bị bệnh thì hấn đọc luôn sách thuốc hàng tràng. Cũng là những đoạn hấn học thuộc lòng, nó không dính dáng gì đến cái bệnh mà hấn sắp chữa hay đương chữa. Thơ phú cho đến sách thuốc của hấn nhớ được, quanh quẩn độ hơn 10 bài chứ không nhiều gì, nếu ai chú ý mà nghe, sẽ thấy lần nào hấn cũng chỉ đọc có mấy bài ấy. Thế nhưng, những người không biết thì ai cũng tưởng là hấn thông lắm. Đến việc chữa bệnh, hấn lờ thiên hạ lại càng bộp hơn.

"Hôm qua tôi đi thăm bệnh cho quan Thượng tỉnh nọ, hôm kia đi kê đơn cho quan Tuần kia, ngày nay có bà án hay bà Phủ nọ

đón đến thăm mạch mà chưa đi được". Mở đầu câu chuyện nói với con bệnh đại để hấn vẫn dùng cái sáo ấy. Có khi hấn còn can đảm mà nói tràn rằng:

"Chính vua nước Lào có bệnh, đốc tờ nói chữa không khỏi, cũng phải vời mình sang chữa". Rồi thì người Tây, người Tàu, người Ấn Độ, các thứ người ở Đông Dương đều bị hấn vợ làm người đã uống thuốc của hấn, người nào bệnh cũng nặng và cũng khỏi cả. Kỳ thực Tây, Tàu, Ấn Độ, có ai dùng thuốc của hấn bao giờ. Đáng tức cười nữa, là mỗi khi cất miệng tiếp khách, ấy là hấn công kích thuốc Tây. Hấn khoe những bệnh đốc tờ bỏ, không chữa được, hấn chữa chỉ hai thang thuốc là khỏi, hấn nói chánh phủ đã biết cái tài làm thuốc của hấn, đã cấp cho hấn cái bằng đốc tờ về nghề thuốc Tàu. Bởi thế, hấn mới muốn được người ta gọi quan Đốc, ai không gọi thế thì hấn thụi cái mặt ra. Với những ngón bịp như vậy, kẻ nông nổi ai mà không mắc? Huống chi cái lối làm thuốc của hấn lại cũng là một lối bịp.

Nói cho phải, hấn cũng có đọc vài đoạn sách thuốc, chứ không đến nỗi dốt đặc. Nhưng hấn đọc để thuộc lòng, đọc để lấy khách, không phải đọc để mà hiểu. Những vị thuốc mà hấn hay dùng ấy là sâm, hoài, linh, biển và bài lục vị. Trong tập đơn thuốc của hấn đã kê, không thấy cái nào không có bốn vị thuốc đó, hoặc dùng xen với bài lục vị hoặc dùng lẫn với các vị khác.

Sâm, hoài, linh, biển hay thuốc lục vị, hắc tử cũng như cơm tẻ, uống vào trúng bệnh thì khỏi, không trúng cũng không đến nỗi chết ai, vì vậy bệnh gì hắc tử cũng dùng đến. Quả có thể thực, những vị thuốc ấy, dù là trái bệnh, cũng không phát lên kịch liệt. Bởi vậy người ta mới phục hắc tử làm thuốc theo lối vương đạo. Họ không hiểu rằng: đã gọi là thuốc, có thể khỏi bệnh thì có thể giết người. Chỉ vì sâm, hoài, linh, biển, nó giết người ta một cách từ từ, cho nên người ta không biết. Bao nhiêu người theo hắc tử hàng trăm thang thuốc, chết vẫn hoàn chết, cái họa "sâm, hoài, linh, biển" là vậy. Chết cũng mặc, khoét được tiền, hắc tử cứ việc khoét. Đúng như lời bà phán Phước đã nói, ai đã uống thuốc, hắc tử cũng phán cho mua những vị trọng, và bắt phải mua của mình. Thậm chí hắc tử còn mua sâm giả của bọn Cao Lá bán rao, rồi đưa cho vợ bán lại cho những người quen thuộc chồng, cái đó mới tinh quái chứ!

Tóm lại, ngón bịp của thầy lang "Thỏ Đực" còn giỏi hơn ngón bịp của thầy lang khác nhiều lắm. Bịp bằng hoành phi câu đối chói lọi trong nhà, bịp bằng lời nói mềm mỏng ngọt ngào như mẹ dẫu dỗ khách, bịp bằng cách khoe quan nọ quan kia uống thuốc của mình, bịp bằng lối dùng thuốc không thương, không phạt, bịp bằng phép bán những vị trọng cho con bệnh hoặc bắt con bệnh uống những tễ thuốc ba bốn chục đồng. Trong đất văn vật nghìn năm biết bao kẻ bị hắc tử bịp cho đến chết

mà vẫn không tỉnh ngộ.

Ngô Tất Tố

DAO CẦU THUYỀN TÁN

CỤ LANG BÀN

Vì cụ quê ở Bàn Yên Nhân, nên người quen biết cụ thường gọi là cụ lang Bàn. Cụ giữ nghiệp dao cầu thuyền tán cũng là một sự ngẫu nhiên, nhưng về sau các thầy địa lý vì nặng tình cơm rượu đã tán rằng cụ được ăn về ngôi mã tam đại phát danh y. Nguyên trước cụ làm việc phát vé tàu điện, nhân một buổi cụ phải giữ việc dọn toa về nhà máy, bỗng thấy một quyển sách nhỏ, đóng giấy ta bìa cây, bỏ chơ vơ trên ghế ngồi. Cụ cầm lên xem, tuy không nhận rõ là quyển gì, nhưng cũng đọc lõm bõm được mấy chữ trần bì, cam thảo. Cụ biết ngay là một quyển sách thuốc của một ông hành khách nào bỏ quên. Cụ đem về mượn ông đồ bên cạnh sang xem cho biết quyển sách thuốc ấy thế nào. Ông đồ bảo đây là quyển sách thuốc gia truyền của họ Đào để lại, các môn thuốc, các chứng bệnh đều đã lập thành cả. Cụ bèn thuê ông đồ mấy đồng để phiên dịch quyển sách ấy ra quốc ngữ. Trước hết hãy làm thử mấy thứ thuốc viên cho vợ bán, như thuốc

cam, thuốc sài trẻ con, thuốc khí hư huyết tích đàn bà v.v...
Chẳng ngờ làm bốn mà ăn thật, khách tới lấy thuốc ngày một đông; biết là một nghề có thể kiếm ăn được, cụ bèn quảng trả "sà cột" cho nhà máy điện mà về. Nuôi một ông đồ làm gia sư để làm cố vấn trong việc biên đơn bốc thuốc, sắm cả dao cầu thuyền tán, nghiêm nhiên làm một ông lang chính thức. Môn thuốc của cụ đã hay, mà cái môn nói khoác lại ghê gớm hơn nữa! Đây đây một cái mộng tưởng của cụ:

- Cái nghề thuốc của tôi còn là biến hóa vô cùng! Ông cũng đã viết ở đây, về môn chữa thuốc tây thì còn ai hơn lão "Oa đề ba" nữa, thế mà nhiều con bệnh đến cậy lão chữa, lão đã bó tay xin chịu, mà đến tôi thì khỏi hẳn! Thực ra tôi vẫn phục lão về cái tài mổ xẻ châm chích, tức là môn chữa ngoại khoa. Nhưng điều đó cũng chẳng khó khăn gì, rồi nay mai ông sẽ biết! Tôi đã bỏ phí năm mươi đồng để vận động cho con tôi được vào làm bồi phụ trong nhà lão.

Cụ nói tới đây rồi ngó trước nhóm sau, thấy vắng vẻ cụ mới nói:

- Tôi xin nói thực với ông câu này, xin ông giữ bí mật cho, nếu tiết lộ ra thì con tôi không thể nào được ở yên trong nhà lão!

Tôi sừng sốt không hiểu vì duyên cớ gì mà ghê gớm thế, gặng mãi cụ mới nói nhỏ vào tai tôi:

"Tôi quyết cho con tôi lọt vào đấy là chỉ cốt để ăn cắp nghề của lão cho bằng được. Rồi cụ lắc lư nói:

- Ông phải biết phàm ai tài nghề gì mà chẳng muốn giấu cho kỹ, dù cha con cũng chưa chắc truyền cho nhau hết phép. Đây ông xem, nhà nước mở ra trường thuốc chẳng qua là chỉ dạy cho học trò biết một vài món loàng xoàng thôi chứ nào đã có ai tài được như lão đầu, như thế chẳng phải là lão có môn thuốc bí truyền là gì? Tôi biết thóp thế, nên mới chịu bỏ tiền ra lo chạy cho con tôi vào đấy, cốt là vì nghiệp thuốc của tôi, chứ chạy tiền để làm anh bồi phụ thì chạy làm gì. Chỉ vài năm nữa, con tôi ăn cắp được môn thuốc bí truyền của lão thì về môn ngoại khoa như mổ, xẻ, châm, chích đã có con tôi. Hai bố con khi đã thu được hết phép của đông tây rồi thì còn ai địch nổi nữa".

Cụ nói rồi, dương cái mặt khờ khạo, nở một nụ cười đắc chí! Tôi cũng cười hộ cụ cho thêm vui, rồi hỏi:

- Thế cậu cả nhà ta đã học được món gì chưa?

- Ôi chao! Ông tưởng dễ lắm đấy! Truyền nghề cho đã là khó, đến ăn cắp nghề lại càng khó hơn nữa. Cho nên tôi vẫn khuyên thằng cả nhà tôi phải kiên tâm cố chí lắm mới được, mới đến bảy tám tháng thì đã ăn thua gì. Hiện công việc của cháu ở nhà lão chỉ có lau bàn ghế, quét dọn buồng ăn buồng ngủ, cũng như ta, các cụ khi xưa bắt đầu nhập môn câu học cũng phải làm những công việc, sai, tảo, ứng, đối là thường.

Tôi lại hỏi:

- Thế cậu cả nhà ta có biết khá chữ tây không?

Cụ giương cặp mục kính mà đáp:

- Ấy, chữ thì cháu không biết, nhưng tôi đã đút cho anh bồi đưa cháu vào mấy chục đề cho cháu học tiếng, nên tuy chữ cháu không đọc được, nhưng nói thì đã khá lắm. Vả chẳng cái nghề thuốc chúng tôi, chỉ cốt trong cho tin, nghe cho rõ là được, chứ bây giờ lại học chữ đã thì ông tính đến bao giờ. Mình học là học tắt ông nghe chưa.

Cụ nói tới đây thì bỗng có khách lại lấy thuốc, cụ đứng dậy bỏ tôi mà đi, tôi ngồi lại thần thơ tự hỏi: từ bác vé xe, nhảy lên ông lang, từ anh bồi phụ nhảy lên ông đốc tờ, chẳng biết bao giờ hai cha con nhà ấy sẽ gặp nhau, mà lúc gặp nhau rồi thì cái kết quả sẽ ra sao?

Ngô Tất Tố

DAO CẦU THUYỀN TÁN

KHÔNG NÊN QUÊN MỘT BỌN VĂN SĨ

Trong một tuần lễ trước đây, hội đồng Phòng bệnh hoa liễu có họp một kỳ hội nghị bàn việc dự định thể lệ cho nghề mãi dâm. Những thể lệ ấy đã khởi thảo rồi, ở báo hàng ngày đã có đăng rõ, mục đích của nó không gì khác hơn là chỉnh đốn cho nghiêm cái nghề "bán dâm" để bài trừ những bệnh hoa liễu. Một việc rất nên làm và rất hợp thời. Hiện nay bệnh hoa liễu mỗi ngày một bành trướng lạ thường, nếu không tìm được cách gì ngăn ngừa thì một ngày kia, không khéo khắp trong dân tộc An Nam sẽ khó mà kiếm một người không mắc bệnh khốn nạn ấy. Điều nên nói là trong bản thể lệ ấy, hội đồng Phòng bệnh hoa liễu mới nhìn bệnh hoa liễu bằng cái nguyên nhân thứ hai, còn bỏ sót cái nguyên nhân thứ nhất của nó. Bệnh hoa liễu cũng như một vài bệnh khác, ngoài cái nguyên nhân thứ hai là nạn mãi dâm còn có nguyên nhân thứ nhất gây ra mầm bệnh mà không phải là loại vi trùng.

Nếu không trừ được nguyên nhân thứ nhất của bệnh, không thể cầm bệnh không được lan ra. Nguyên nhân thứ nhất là gì?

Các ngài sẽ đổ cho sự gay go trong cuộc sinh hoạt. Cố nhiên, với sự bành trướng đáng ghê như bệnh hoa liễu, hiện tượng sinh hoạt vẫn phải chịu một phần trách nhiệm. Nhưng một phần thôi, còn một phần khác, là trách nhiệm của bọn văn sĩ. Tôi muốn nói mấy ông văn sĩ thiếu lương tâm, quen dùng văn chương khiêu dâm để quyến rũ bạn đọc phụ nữ. Nói cho phải, văn chương của ta hồi này cũng có tiến bộ hơn trước, nhất là nghề viết tiểu thuyết. Nhưng trong khi tiến bộ về phương diện nghệ thuật, đồng thời nó cũng tiến bộ luôn về phương diện khiêu dâm. Hãy giờ những cuốn tiểu thuyết tình xuất bản gần đây mà coi, các ngài sẽ thấy lời nói ấy không sai sự thực. Tác giả những áng văn chương ấy vẫn là nhà văn có tài, cái tài cổ động chủ nghĩa khoái lạc về nhục dục mà người ta gọi tránh đi là "vui vẻ trẻ trung".

Họ phá hủy nền liêm sỉ của trai gái bằng những ngòi bút mạnh bạo. Họ mô tả trần truồng cái chân tướng ái tình bằng giọng văn hay hóm và lả lơi. Họ làm được cảnh tượng của dục tính ở mặt giấy cũng hoạt động như ở màn ảnh. Đừng nói những hạng trai trẻ, giả sử các cụ sáu bảy mươi tuổi nghe văn của họ có khi cũng thấy dậm dật trong mình. Nhờ vậy, họ đã đi được tới đích, hầu hết phụ nữ ở thành thị đều đua nhau làm độc giả của họ.

Trong vài năm nay, tâm hồn phụ nữ thành thị đã bị họ cám dỗ...;

người ta đã nói bằng giọng của họ, người ta đã nghĩ bằng tư tưởng của họ, rồi người ta muốn làm như những nhân vật trong tiểu thuyết của họ. Cái ảnh hưởng ấy, nó đưa chị em phụ nữ đến đâu? Bước thứ nhất là đến một cuộc đời lãng mạn. Trong vài năm nay, đối với phụ nữ -nhất là phụ nữ tân thời -liêm sỉ chỉ là tính hèn nhát, dư luận chỉ là lời hủ bại, biết bao nhiêu người đã ngang nhiên đem thân thể thờ thần nhục dục một cách tự do, không e lệ, cũng không hối hận. Tại các thành thị, tiệm nhảy và phòng ngủ mở ra mỗi ngày mỗi nhiều, đó là bằng chứng rất rõ rệt về phong trào lãng mạn của phụ nữ. Ai nấy chắc đều nhận rằng: từ lãng mạn đến mãi dâm không xa, và từ mãi dâm đến bệnh hoa liễu càng không xa nữa. Đi ngược trở lại, chúng ta có thể nói rằng: bao nhiêu nữ tướng trong việc truyền bệnh hoa liễu đều là tín đồ của chủ nghĩa lãng mạn; mà bao nhiêu nữ tín đồ của chủ nghĩa lãng mạn đều là độc giả của những văn sĩ kia. Vậy thì những người mắc bệnh hoa liễu đều là người đã phải bùa mê của bọn văn sĩ khiêu dâm, chính bọn văn sĩ khiêu dâm đã đưa người ta lên giường bệnh hoa liễu.

Nói vậy không phải quá đáng. Nếu vào nhà thương mà hỏi những chị em bệnh hoa liễu có đọc tiểu thuyết của bọn văn sĩ kia không, quyết rằng trong số trăm người đều trả lời rằng có. Đối với pháp luật, văn chương khiêu dâm vẫn thuộc về tội đáng trừng phạt. Nhưng cái điều kiện của pháp luật về những khoản

đó hình như không rõ ràng, cho nên bọn văn sĩ khiêu dâm vẫn có đường trốn. Họ trốn ra đường nghệ thuật. Họ viện vào thuyết "nghệ thuật" để bênh vực cho nghề nghiệp của họ. Nếu những tác phẩm của họ cứ được tự do đầu độc phụ nữ thì nghề mãi dâm còn thịnh hành và bệnh hoa liễu còn bành trướng.